TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ – ST.
Ngày: 14/7/2021
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám;

Ông Trịnh Xuân Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Trung D - SN 1991 "Có mặt";

Địa chỉ: SN 37 Cửa T, phường B, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T - SN 1992 " Có mặt";

Địa chỉ : SN 37 Cửa T, phường B, Thành phố T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Bùi Trung D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau về mặt tình cảm. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia

đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Cháu Bùi M, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Bùi Mỹ D, sinh ngày 27/9/2019. Ly hôn anh đề nghị giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh D đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 5.000.000đ/tháng, hai cháu 10.000.000đ/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh thay đổi quan điểm đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000đ/tháng, hai cháu 5.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị đồng ý như anh D đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên đây chỉ là những chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày chưa đến mức phải ly hôn. Nguyên nhân của những mâu thuẫn là do vợ chồng còn nhiều hiểu lầm nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên hai vợ chồng mặc dù cùng sống chung trong một nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm. Nay anh D làm đơn khởi kiện đề nghị ly hôn với chị, chị thấy tình cảm hai vợ chồng vẫn còn nên chị không đồng ý ly hôn để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.Trường hợp anh D vẫn cương quyết ly hôn chị đề nghị Tòa căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con: Anh chị có hai con chung như anh D trình bày là đúng.Nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu. Tại bản tự khai chị đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 5.000.000đồng/tháng, hai cháu 10.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi quan điểm là nếu phải ly hôn chị đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng, hai cháu 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh D, chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và bổ sung thêm ý kiến về thời gian cấp dưỡng của anh D cho hai con chung bắt đầu từ tháng 7/2021 đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại Thành phố T. Do vậy Tòa án Thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh D, chị T khai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhau về mặt tình cảm. Anh D cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài trong thời gian dài. Quan điểm của chị T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày và chưa đến mức phải ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: quá trình anh chị chung sống đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống.

Mặc dù chị T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn cương quyết xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống chung của vợ chồng cũng không cải thiện được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] Về con **:** Anh chị có 02 con chung. Cả hai đều thống nhất giao hai cháu Bùi M và Bùi Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng, hai cháu 5.000.000 đồng/tháng . Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2021 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Xét việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí **:** Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Trung D được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Công nhận cháu Bùi M, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Bùi Mỹ D, sinh ngày 27/9/2019 là con chung của anh D và chị T. Giao hai cháu M và Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu M và Mỹ D đủ tuổi thành niên.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Án phí: Anh Bùi Trung D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012274 ngày 16/3/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T . Anh D còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tho quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh D, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND thị trấn N, huyện N;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Long